

Bản án số: 11/2018/HNGĐ-ST
Ngày 27 - 11 - 2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁT HẢI, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hồng Biên;

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đoàn Thị Tiến

Ông Hoàng Văn Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Thế Thư - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cát Hải.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lam - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2018 về Ly hôn và tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 14 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L; địa chỉ: Tổ dân phố 11, thị trấn C, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Vũ Mạnh T; địa chỉ: Tổ dân phố 11, thị trấn C, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Toà án nhân dân huyện Cát Hải của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày như sau:

Về hôn nhân: Chị và anh Vũ Mạnh T kết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng. Trong quá trình chung sống mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh, nguyên nhân là do tính cách và cách sống không phù hợp, trong cuộc sống không có tiếng nói chung, thường xuyên va chạm, cãi vã cho nên cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng. Bên cạnh đó anh T có tính

chơi bời, ít quan tâm đến gia đình, vợ, con. Năm 2017 chị đã yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng sau đó đã rút đơn là do: Một phần vì con cái còn nhỏ, mặt khác cũng là để cho anh T có một cơ hội thay đổi cách sống. Tuy nhiên thời gian sau đó mâu thuẫn vợ, chồng vẫn không được cải thiện mà trái lại ngày càng trầm trọng hơn. Chị L đã thuê nhà và đưa các con sống cùng nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Vũ Mạnh T.

Về con chung: Chị và anh Vũ Mạnh T có hai con chung là Vũ Thị Hà M, sinh ngày 05 tháng 7 năm 2010 và Vũ Chí T, sinh ngày 17 tháng 02 năm 2013. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, chị sẽ nuôi cháu Vũ Chí T còn anh T nuôi cháu Vũ Thị Hà M. Về phần cấp dưỡng nuôi con chị sẽ tự thỏa thuận với anh Thắng.

Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo lời khai của bị đơn anh Vũ Mạnh T và biên bản hòa giải: Anh và chị Nguyễn Thị L kết hôn với nhau năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện Cát Hải. Trong quá trình chung sống hai bên phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân một phần là do anh với tính chất công việc làm ăn nên có quan hệ và giao tiếp ngoài xã hội nhiều vì vậy không có nhiều thời gian chăm sóc cho gia đình, vợ, con. Từ sự việc đó mà vợ, chồng thường xuyên to tiếng, cãi vã lẫn nhau và chị L đã bỏ ra ngoài thuê nhà để sống. Hiện nay quan điểm của anh là không đồng ý ly hôn, anh vẫn mong muốn vợ, chồng đoàn tụ để nuôi dạy con cái.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị L có 02 con chung là Vũ Thị Hà M, sinh ngày 05 tháng 7 năm 2010 và Vũ Chí T, sinh ngày 17 tháng 02 năm 2013, hiện nay hai con đang sống cùng chị L, nếu Tòa án giải quyết ly hôn anh sẽ nuôi cả hai cháu không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ ở địa phương cũng như gia đình của hai bên đương sự đều thể hiện việc nguyên đơn và bị đơn có mâu thuẫn và đã đến mức trầm trọng. Do tính cách và cách sống và quan điểm sống không phù hợp, anh T có tính chơi bời ít quan tâm đến gia đình, vợ, con. Năm 2017 chị L đã có yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn xong được sự đồng ý của hai bên gia đình cũng như sự hứa hẹn sửa chữa của anh T nên chị đã rút đơn. Tuy nhiên thời gian sau đó anh T không thay đổi mà trái lại mâu thuẫn vợ, chồng ngày càng trầm trọng hơn. Chị L đã đi thuê nhà để sinh sống. Về con chung: Vợ, chồng chị L và anh T có hai con chung là cháu Vũ Thị Hà M và cháu Vũ Chí T.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng dân sự: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm nghị án.

Nguyên đơn đã tuân thủ nghiêm chỉnh yêu cầu của Tòa án, thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị

đơn chưa chấp hành nghiêm chỉnh yêu cầu của Tòa án vì vậy phiên tòa xét xử ngày 14 tháng 11 năm 2018 phải hoãn do bị đơn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa xét xử hôm nay bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do, mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Chị Nguyễn Thị L và anh Vũ Mạnh T kết hôn năm 2009 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Trong quá trình chung sống hai bên hạnh phúc được một thời gian dài thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách và cách sống của hai người không phù hợp, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã làm cho cuộc sống giữa hai vợ chồng luôn căng thẳng. Anh T ít quan tâm đến gia đình, vợ, con nên mâu thuẫn giữa hai bên ngày càng trầm trọng hơn. Chính quyền địa phương, gia đình và Tòa án đã nhiều lần hòa giải nhưng không thành công chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải có quan điểm như sau:

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị L và anh Vũ Mạnh T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L được ly hôn với bị đơn anh Vũ Mạnh T; giao con chung là Vũ Thị Hà M, sinh ngày 05 tháng 7 năm 2010 cho anh Vũ Mạnh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có quy định khác của pháp luật. Giao con chung Vũ Chí T, sinh ngày 17 tháng 02 năm 2013 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có quy định khác của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không có yêu cầu nên không xem xét.

Về chia tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền của Tòa án: Đây là vụ án về Ly hôn và tranh chấp nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền của Tòa án. Trong đó bị đơn có nơi cư trú tại tổ dân phố 11, thị trấn C, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Cát Hải.

[2] Về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án: Tòa án đã tiến hành triệu tập các đương sự để lấy lời khai, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải để hai bên đương sự thoả thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án theo quy định tại Điều 205, 208 và Điều 209 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên hòa giải nguyên đơn và bị đơn không thống nhất quan điểm về việc giải quyết vụ án. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và tranh chấp nuôi con, bị đơn không đồng ý ly hôn. Tòa án đã tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung tuy nhiên bị đơn vắng mặt không có lý do nên đã phải quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[3] Về quan hệ vợ chồng: Chị Nguyễn Thị L và anh Vũ Mạnh T có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, đây là quan hệ hôn nhân phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên được pháp luật bảo vệ.

Quá trình chung sống do hai bên có những bất đồng quan điểm sống, do tính cách sống của hai vợ chồng không có điểm chung nên giữa hai bên đã phát sinh mâu thuẫn trong gia đình, bên cạnh đó do anh T có tính chơi bời, ít quan tâm đến gia đình, vợ, con mặc dù đã được can ngăn nhiều lần nhưng anh T vẫn không thay đổi nên dẫn tới mâu thuẫn giữa hai bên ngày càng trầm trọng không thể giải quyết được. Năm 2017, chị Nguyễn Thị L đã có đơn yêu cầu ly hôn, tuy nhiên Tòa án đã động viên, giải thích để chị L rút yêu cầu khởi kiện để vợ chồng đoàn tụ, xây dựng hạnh phúc gia đình. Tòa án đã tiến hành phiên hòa giải để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, tạo điều kiện cho hai bên đương sự quay về đoàn tụ, xây dựng hạnh phúc gia đình, tuy nhiên tại phiên hòa giải hai bên đã không thống nhất được về quan điểm giải quyết vụ án. Qua xác minh tại chính quyền địa phương ở nơi cư trú và lời khai của nguyên đơn, bị đơn đều thể hiện hai bên đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, xét yêu cầu giải quyết ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Vũ Mạnh T có 02 con chung là Vũ Thị Hà M, sinh ngày 05 tháng 7 năm 2010 và Vũ Chí T, sinh ngày 17 tháng 02 năm 2013. Xét thấy việc nuôi con cần căn cứ điều kiện hoàn cảnh của các bên để giao con, tạo điều kiện cho con nhỏ có nơi học tập, sinh hoạt, phát triển tốt nhất. Chị Nguyễn Thị L có nguyện vọng nuôi cháu Vũ Chí T, nguyện vọng này cần chấp nhận. Đối với anh Vũ Mạnh T có nguyện vọng nuôi cả 02 cháu, tuy nhiên chỉ nên

giao cho anh T nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Vũ Thị Hà M là phù hợp, đúng nguyện vọng của cháu M.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nguyên đơn, bị đơn tự thỏa thuận nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Vũ Mạnh T.

2. Về con chung: Giao con chung Vũ Thị Hà M, sinh ngày 05 tháng 7 năm 2010 cho anh Vũ Mạnh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Giao con chung Vũ Chí T, sinh ngày 17 tháng 02 năm 2013 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Các bên tự thỏa thuận về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn không ai được quyền cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở và không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được trừ đi số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cát Hải theo biên lai thu tiền số 0010181, ngày 11 tháng 7 năm 2018.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có quyền kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện Cát Hải;
- Chi cục THADS huyện Cát Hải;
- UBND thị trấn C, huyện Cát Hải;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Hồng Biên

